

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị Hoa và anh Huy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Phạm Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Là, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà D T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đoàn Quốc H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H1 có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh H1 không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Từ tháng 7 năm 2023, chị và anh H1 đã sống ly thân.

Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh **H1** không có con chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Đoàn Quốc H1** trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị **H** kết hôn như chị **H** trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp và vợ chồng chưa có con chung. Chị **H** xin ly hôn, anh không đồng ý vì giữa anh và chị **H** chưa thống nhất được về việc giải quyết chia tài sản chung.

Về con chung: Anh và chị **H** không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị **H** có tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ: **Số D T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định** anh đề nghị Tòa án giải quyết đối với tài sản chung này khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Quốc H1**.

+ Về tài sản, công nợ chung: Yêu cầu của anh **H1** về việc giải quyết tài sản chung với chị **H** không được thụ lý, xem xét giải quyết trong vụ án. Anh **H1**, chị **H** có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Chị **Đỗ Thị Thanh H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

+ Về quyền kháng cáo: Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Quốc H1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh **Đoàn Quốc H1** đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy

định Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh H1.

2] *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Thanh H và anh Đoàn Quốc H1 kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 04/2019 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống chung không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị H và anh H1 đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị H và anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H được chấp là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Đỗ Thị Thanh H và anh Đoàn Quốc H1 không có con chung nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị Đỗ Thị Thanh H không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đoàn Quốc H1 có đơn yêu cầu tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nhưng anh Đoàn Quốc H1 không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu tài sản chung với chị H. Do vậy, yêu cầu của anh H1 về việc giải quyết tài sản chung với chị H không được thụ lý, xem xét giải quyết trong vụ án. Anh H1, chị H có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Thanh H và anh Đoàn Quốc H1.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0004941 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thanh H và anh Đoàn Quốc H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Nghĩa An;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh